

Số: 104/BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 7 năm 2021

**BÁO CÁO**  
**Công khai tình hình thực hiện ngân sách địa phương**  
**Quý II năm 2021**

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo công khai tình hình thực hiện ngân sách địa phương Quý II năm 2021, như sau:

**1. Về thu ngân sách nhà nước (chi tiết tại Biểu số 60/CK-NSNN)**

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn Quý II năm 2021 đạt 10.607 tỷ đồng, bằng 58,6% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 130,1% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó:

a) Thu nội địa đạt 6.282 tỷ đồng, bằng 48,1% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 117,6% so với cùng kỳ năm 2020.

\* *Đánh giá một số khoản thu:*

+ Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước đạt 3.281 tỷ đồng, bằng 60,6% dự toán năm, bằng 125,3% so với cùng kỳ năm 2020; trong đó thu chủ yếu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất là 3.073 tỷ đồng, bằng 61,5% DT giao, tăng 26,8% so với cùng kỳ năm 2020.

+ Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 211 tỷ đồng, bằng 81,0% dự toán năm, bằng 92% so với cùng kỳ năm 2020.

+ Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 1.335 tỷ đồng, đạt 47,5% dự toán năm, bằng 126,1% so với cùng kỳ năm 2020.

+ Thuế thu nhập cá nhân đạt 258 tỷ đồng bằng 78,2% dự toán năm, bằng 104,7% so với cùng kỳ năm 2020.

+ Thuế bảo vệ môi trường đạt 419 tỷ đồng bằng 47% dự toán năm, bằng 98,4% so với cùng kỳ năm 2020.

Nhìn chung, trong 6 tháng đầu năm 2021, tình hình kinh tế của tỉnh có phần khởi sắc hơn so với cùng kỳ, giá dầu thô thế giới bình quân ở mức trên 60 USD/thùng, cao hơn dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao (dự toán giao 45 USD/thùng), do đó số nộp ngân sách của Nhà máy lọc dầu Dung Quất đạt mức khá (đạt 61,5% dự toán). Tổng sản lượng bia tiêu thụ cũng tăng so với cùng kỳ; lượng nước về các hồ thủy điện nhiều, sản lượng điện của các nhà máy thủy điện trên địa bàn tăng gấp đôi so cùng kỳ. Đa số các khoản thu đều đảm bảo vượt tiến độ dự toán HĐND tỉnh giao. Tuy nhiên, vẫn còn một số khoản chưa đảm bảo tiến độ dự toán tỉnh giao như: Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (47,5%), Thuế bảo vệ môi trường (47%), Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (46,2%), Thu khác ngân sách (46,7%), Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác (22,4%); đặc biệt là thu tiền sử dụng đất đạt rất thấp so với dự toán (chỉ đạt 14,2% dự toán HĐND tỉnh giao), nguyên nhân là do còn vướng mắc công tác

bồi thường, giải phóng mặt bằng; xác định giá và tổ chức bán đấu giá các dự án khu dân cư do tỉnh làm chủ đầu tư triển khai đấu giá quyền sử dụng đất rất chậm.

b) Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 4.323 tỷ đồng, bằng 86,5% so với dự toán năm và bằng 153,9% so với cùng kỳ năm 2020.

## **2. Về chi ngân sách địa phương (chi tiết tại Biểu số 61/CK-NSNN)**

Tổng chi ngân sách địa phương Quý II năm 2021 đạt 5.550 tỷ đồng, bằng 39,5% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 108,2% so với cùng kỳ năm 2020; cụ thể:

a) Chi cân đối ngân sách địa phương Quý II năm 2021 là 4.941 tỷ đồng, bằng 39,4% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 109,6% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển đạt 820 tỷ đồng, bằng 19,2% so với dự toán năm và bằng 196,2% so với cùng kỳ năm 2020.

- Chi thường xuyên đạt 4.120 tỷ đồng, bằng 51,4% so với dự toán năm và bằng 100,7% so với cùng kỳ năm 2020; trong đó:

+ Chi sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình đạt 442 tỷ đồng, bằng 57% dự toán năm và bằng 83,4% so với cùng kỳ năm 2020;

+ Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể đạt 869 tỷ đồng, bằng 55,8% dự toán năm và bằng 86,3% so với cùng kỳ năm 2020;

+ Chi đảm bảo xã hội đạt 307 tỷ đồng, bằng 58,8% dự toán năm và bằng 79,1% so với cùng kỳ năm 2020;

+ Chi sự nghiệp kinh tế đạt 713 tỷ đồng, bằng 53,2% dự toán năm và bằng 154,2% so với cùng kỳ năm 2020;

+ Các khoản chi đạt thấp như: Chi sự nghiệp Khoa học và công nghệ đạt 6 tỷ đồng, bằng 16,2% dự toán năm; chi sự nghiệp giáo dục – đào tạo và dạy nghề đạt 1.422 tỷ đồng, bằng 44,7% dự toán năm; chi sự nghiệp bảo vệ môi trường đạt 48 tỷ đồng, bằng 37,9% dự toán năm.

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1,14 tỷ đồng, đạt 100% dự toán giao.

b) Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP đạt 609 tỷ đồng, bằng 40% dự toán năm, bằng 97,8% so với cùng kỳ năm 2020.

Nhìn chung, chi ngân sách địa phương Quý II năm 2021 được tổ chức quản lý theo đúng quy định cơ chế phân cấp hiện hành. Các ngành, các cấp đã triển khai tích cực, điều hành ngân sách bám sát dự toán được giao đảm bảo tiết kiệm; tập trung thực hiện các chính sách cho con người, chính sách an sinh xã hội; đảm bảo cân đối nguồn để thực hiện các nhiệm vụ chi theo dự toán; đồng thời bổ sung chi một số nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao./.

### **Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh uỷ;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi;
- Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, TH, CBTH;
- Lưu: VT, KTTiền348.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đặng Văn Minh**

## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ II NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ II	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>18.097.000</b>	<b>10.606.875</b>	<b>58,6</b>	<b>130,1</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>18.055.700</b>	<b>10.605.333</b>	<b>58,7</b>	<b>105,9</b>
1	Thu nội địa	13.055.700	6.282.279	48,1	117,6
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	5.000.000	4.323.054	86,5	153,9
4	Thu viện trợ				
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>				
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>14.047.514</b>	<b>5.549.999</b>	<b>39,5</b>	<b>108,2</b>
<b>I</b>	<b>Chi cân đối NSDP</b>	<b>12.525.923</b>	<b>4.941.267</b>	<b>39,4</b>	<b>109,6</b>
1	Chi đầu tư phát triển	4.258.630	819.766	19,2	196,2
2	Chi thường xuyên	8.018.321	4.119.965	51,4	100,7
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	2.200	396	18,0	125,7
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.140	1.140	100,0	100,0
5	Dự phòng ngân sách	245.632			
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP</b>	<b>1.521.591</b>	<b>608.732</b>	<b>40,0</b>	<b>97,8</b>
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP</b>	<b>41.300</b>	<b>4.535</b>	<b>11,0</b>	
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>				





## THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ II	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>18.097.000</b>	<b>10.606.875</b>	<b>58,6</b>	<b>130,1</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>13.055.700</b>	<b>6.282.279</b>	<b>48,1</b>	<b>117,6</b>
1	Thu từ khu vực DNNN	5.411.000	3.281.595	60,6	125,3
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	260.000	210.711	81,0	92,0
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.810.000	1.334.672	47,5	126,1
4	Thuế thu nhập cá nhân	330.000	258.187	78,2	104,7
5	Thuế bảo vệ môi trường	890.000	418.630	47,0	98,4
6	Lệ phí trước bạ	195.000	108.985	55,9	125,5
7	Thu phí, lệ phí	151.700	96.808	63,8	119,3
8	Các khoản thu về nhà, đất	2.647.000	397.984	15,0	102,7
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>		5		
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	5.000	2.917	58,3	194,8
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	2.600.000	369.129	14,2	99,3
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	42.000	25.921	61,7	180,8
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>		12		39,1
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	30.000	23.509	78,4	92,1
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	2.000	992	49,6	82,6
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	112.000	51.707	46,2	77,0
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	12.000	2.691	22,4	52,8
13	Thu khác ngân sách	205.000	95.808	46,7	88,0
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>				
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>5.000.000</b>	<b>4.323.054</b>	<b>86,5</b>	<b>153,9</b>
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	4.635.000	4.053.713	87,5	158,4
2	Thuế xuất khẩu	100.000	112.960	113,0	112,5
3	Thuế nhập khẩu	210.000	120.653	57,5	101,6
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu		4		88,9
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	55.000	33.310	60,6	106,5
6	Thu khác		2.414		581,7
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>				

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ II	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
<b>B</b>	<b>THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>11.246.015</b>	<b>5.295.713</b>	<b>47,1</b>	<b>118,3</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	7.930.155	4.553.595	57,4	121,6
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	3.315.860	742.118	22,4	101,6

## THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ II NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ II	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>14.047.514</b>	<b>5.549.999</b>	<b>39,5</b>	<b>108,2</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>12.525.923</b>	<b>4.941.267</b>	<b>39,4</b>	<b>109,6</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>4.258.630</b>	<b>819.766</b>	<b>19,2</b>	<b>196,2</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	4.238.630	799.266	18,9	201,7
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác	20.000	20.500	102,5	95,3
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>8.018.321</b>	<b>4.119.965</b>	<b>51,4</b>	<b>100,7</b>
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.182.892	1.421.827	44,7	104,4
2	Chi khoa học và công nghệ	33.110	6.038	18,2	54,5
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	774.990	441.720	57,0	83,4
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	122.297	55.350	45,3	135,4
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	36.406	18.165	49,9	119,2
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	22.429	12.170	54,3	106,4
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	127.270	48.298	37,9	123,9
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.339.472	713.050	53,2	154,2
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.558.976	869.153	55,8	86,3
10	Chi bảo đảm xã hội	521.354	306.735	58,8	79,1
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>	<b>2.200</b>	<b>396</b>	<b>18,0</b>	<b>125,7</b>
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.140</b>	<b>1.140</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>245.632</b>			
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP</b>	<b>1.521.591</b>	<b>608.732</b>	<b>40,0</b>	<b>97,8</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	997.146	451.398	45,3	309,1
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	524.445	157.334	30,0	390,5